

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
 - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VNDIAMOND/ KIM Growth VNDIAMOND ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIVND*
 - Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
 - Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
Content of information disclosure: Audited Financial Statement for the year 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on March 31, 2026, available at: https://koreainvestment.com.vn/vn/home/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025/
Audited Financial Statement for the year 2025

Đại diện công bố thông tin/

Representative to disclose information



HYUN DONGSIK

Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chairman of
Members' Council

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính	12 - 13
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính	21 - 58

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 412/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 17/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 3 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 54.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.400.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 186/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 4 năm 2024 với mã chứng khoán FUEKIVND và chính thức giao dịch từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN DIAMOND do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 2 năm 2024
Bà Lê Hoàng Dung	Thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 2 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Ngày 2 tháng 2 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hyun Dong Sik, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoàn đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Huỳnh Đông Sik
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND ("Quỹ").

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN DIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/ chứng chỉ quỹ (CCQ) là 13,95% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024;

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 14,03%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 15,35% so với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN DIAMOND Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN DIAMOND Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoàn đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 17/GCN-UBCK ngày 5 tháng 3 năm 2024, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 77.077.246.349 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 54.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.400.000.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chỉ số VN DIAMOND tại thời điểm báo cáo là 2.610,82.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn mười (10) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %
Danh mục chứng khoán	99,25	99,56
Các tài sản khác	0,75	0,44
Cộng	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	77.077.246.349	106.810.124.145
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	5.400.000	8.500.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	14.273,56	12.565,89
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	15.149,83	12.710,36
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	9.674,14	10.837,78
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	14.380	12.570
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	15.150	12.840
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	10.040	11.200
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	13,59	9,59
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,57	0,59
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	21,19	58,20

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	13,59%	13,59%
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 5/3/2024) (**)	24,49%	13,33%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu (***)	24,66%	13,42%

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

(***) Tính từ ngày mã chứng khoán FUEKIVND chính thức giao dịch ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

- Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến nhiều biến động trong năm 2025, với kết thúc năm đạt mức 1784.49 điểm, và đạt mức sinh lời cả năm 41% – mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2016.
- Đầu tháng 4, Vn-Index đã có nhịp điều chỉnh lớn, giảm xuống mức 1.094,3 điểm, sau tuyên bố áp thuế qua lại của Trump. Sau tuyên bố của Trump rằng thuế quan sẽ được hoãn lại, VnIndex đã có nhịp tăng kéo dài đến cuối năm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm cổ phiếu thuộc Vingroup tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt chỉ số chung. Tuy nhiên, thị trường ghi nhận sự luân chuyển tích cực sang các nhóm ngành phục hồi theo chu kỳ như công nghiệp, hạ tầng và tiêu dùng.
- Đặc biệt, áp lực bán ròng từ khối ngoại đã chính thức hạ nhiệt và đảo chiều sang mua ròng khoảng 1.700 tỷ đồng trong tháng 12 trên cả ba sàn, tạo hiệu ứng tâm lý tích cực cho giai đoạn chót năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>Từ khi thành lập</i>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	13,59%	Không áp dụng	24,49%
Tăng trưởng hàng năm (%)/ 1 đơn vị quỹ	13,59%	Không áp dụng	13,33%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	14,03%	Không áp dụng	29,89%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	14,40%	Không áp dụng	28,16%

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 24 tháng 4 năm 2024).

Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ từ ngày thành lập đến nay:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	77.077.246.349	106.810.124.145	-27,84%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.273,56	12.565,89	13,59%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
Dưới 5.000	37	17.300	0,32
Từ 5.000 đến 10.000	1	8.000	0,15
Từ 10.000 đến 50.000	1	17.400	0,32
Từ 50.000 đến 500.000	2	433.000	8,02
Trên 500.000	2	4.924.300	91,19
Tổng cộng	43	5.400.000	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, thị trường kinh tế và tài chính Việt Nam được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, đầu tư công mở rộng, dòng vốn FDI mạnh và sự phục hồi của xuất khẩu. Thị trường chứng khoán có triển vọng tăng trưởng nhờ lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện và khả năng nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, các rủi ro từ kinh tế toàn cầu, căng thẳng thương mại và biến động chính sách tiền tệ vẫn có thể ảnh hưởng đến triển vọng thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hyun Dong Sik - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hyun Dong Sik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun Dong Sik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun Dong Sik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Bà Oh Hae Yoon - Thành viên Hội đồng thành viên

Bà Oh Hae Yoon đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Phoenix Asset Management, IBK Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, bà Oh Hae Yoon tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam, bà Oh Hae Yoon được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Thành viên kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025, ông Yun Hang Jin miễn nhiệm chức Tổng Giám Đốc và chỉ giữ chức Thành viên Hội đồng thành viên.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin về Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

Ông Vũ Giang Sơn - Người điều hành Quỹ

Ông Vũ Giang Sơn sở hữu Chứng chỉ CFA và có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý sản phẩm đầu tư, quản trị rủi ro và tài chính. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị rủi ro và Quản lý tài sản tại NEOMA Business School (Pháp) và được cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ vào năm 2023. Trước khi gia nhập KIM VIỆT NAM từ tháng 02 năm 2021, ông đã làm việc tại các tổ chức tài chính uy tín như CTCP Chứng khoán BIDV, Techcombank và LR Global Partners.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 30 tháng 3 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND
NĂM 2025



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Ông Trần Ngọc Tiến
Phó trưởng phòng Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hà Triều Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12952890/69101728

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND (“Quỹ”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 15 đến trang 58, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.4 của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		13.618.392.907	14.965.418.101
02	1.1 Cổ tức được chia	11	2.031.284.900	1.530.904.400
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	1.305.457	14.149.801
04	1.3 Lợi nhuận bán các khoản đầu tư	12	8.859.597.203	2.645.542.406
05	1.4 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	2.726.205.347	10.774.821.494
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		53.300.594	108.753.128
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	13	53.300.594	108.753.128
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		1.781.278.636	1.538.489.538
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ ETF		636.194.043	442.926.972
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	14	211.419.444	143.209.581
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	55.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF		198.000.000	165.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		82.500.000	45.283.334
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	305.417.221	415.919.812
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		145.800.000	140.400.000
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	16	135.947.928	130.749.839
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.783.813.677	13.318.175.435
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		11.783.813.677	13.318.175.435
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		9.057.608.330	2.543.353.941
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		2.726.205.347	10.774.821.494
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		11.783.813.677	13.318.175.435

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Đông Sik
Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	581.652.742	435.683.865
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF		581.652.742	435.683.865
120	2. Các khoản đầu tư thuần		77.083.986.350	106.832.007.900
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	77.083.986.350	106.832.007.900
100	TỔNG TÀI SẢN		77.665.639.092	107.267.691.765
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		588.392.743	457.567.620
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	1.500.000	1.500.000
316	2. Chi phí phải trả	7	299.700.000	153.900.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	8	287.192.743	302.167.620
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		588.392.743	457.567.620
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		77.077.246.349	106.810.124.145
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		54.000.000.000	85.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	85.000.000.000	85.000.000.000
413	1.2 Vốn góp hoán đổi lại	9	(31.000.000.000)	-
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	(2.024.742.763)	8.491.948.710
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	25.101.989.112	13.318.175.435
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	9	14.273,56	12.565,89

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-ETF

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	19	5.400.000	8.500.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hyun Dong Sik
Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-ETF

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	106.810.124.145	-
II	Thay đổi NAV trong năm		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	11.783.813.677	13.318.175.435
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	(41.516.691.473)	93.491.948.710
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ ETF	-	93.491.948.710
III.2	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	(41.516.691.473)	-
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	77.077.246.349	106.810.124.145

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Hyun Dong Sik
 Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-ETF

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 %
I	CÓ PHIẾU NIÊM YẾT	1.791.707		77.083.986.350	99,25
1	ACB	210.279	24.000	5.046.696.000	6,50
2	BMP	7.100	175.000	1.242.500.000	1,60
3	CTD	15.120	76.000	1.149.120.000	1,48
4	CTG	42.089	35.750	1.504.681.750	1,94
5	FPT	132.443	95.800	12.688.039.400	16,34
6	GMD	70.233	61.000	4.284.213.000	5,52
7	HDB	135.344	29.700	4.019.716.800	5,18
8	KDH	94.317	31.500	2.970.985.500	3,83
9	MBB	194.031	25.300	4.908.984.300	6,32
10	MSB	105.240	12.400	1.304.976.000	1,68
11	MWG	138.200	88.400	12.216.880.000	15,73
12	NLG	75.228	30.450	2.290.692.600	2,95
13	OCB	28.848	11.950	344.733.600	0,44
14	PNJ	79.400	97.000	7.701.800.000	9,92
15	REE	48.951	61.000	2.986.011.000	3,84
16	TCB	187.800	34.900	6.554.220.000	8,44
17	TPB	55.084	17.100	941.936.400	1,21
18	VPB	172.000	28.650	4.927.800.000	6,34
II	TIỀN	-	-	581.652.742	0,75
1	Tiền gửi ngân hàng	-	-	581.652.742	0,75
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC	-	-	77.665.639.092	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Đông Sik
Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		11.783.813.677	13.318.175.435
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(2.718.211.682)	(10.634.421.494)
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(2.726.205.347)	(10.774.821.494)
04	Chi phí trích trước		153.793.665	140.400.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.065.601.995	2.683.753.941
06	Tăng các khoản đầu tư		(8.887.232.103)	(2.921.706.406)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	1.500.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	13.500.000
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		(22.968.542)	302.167.620
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		301.201.350	79.215.155
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		-	356.468.710
22	2. Tiền chi từ phát hành chứng chỉ quỹ		(155.232.473)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(155.232.473)	356.468.710
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		145.968.877	435.683.865

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-ETF

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		435.683.865	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		435.683.865	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		435.683.865	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	581.652.742	435.683.865
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		581.652.742	435.683.865
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		581.652.742	435.683.865
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		145.968.877	435.683.865

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Huỳnh Như
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Đăng Sik
 Chủ tịch hội đồng thành viên

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-ETF

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 412/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 17/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 3 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 54.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.400.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 186/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 4 năm 2024 với mã chứng khoán FUEKIVND và chính thức giao dịch từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN DIAMOND do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 51.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 54.000.000.000 đồng, tương đương với 5.400.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN DIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Các kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Thông tin so sánh*

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày của dữ liệu tương ứng là từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ kế toán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.7 Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá mua cổ phiếu; hoặc
- Giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ bán các khoản đầu tư

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoàn đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm. Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm tài chính là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm. Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Công ty Chứng khoán và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,7% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ phí lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,05% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Lưu ký.

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VN DIAMOND. Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
VN DIAMOND	240.000.000	0,080	0,065	0,055	0,040

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí* (tiếp theo)

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.9 *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành về thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo quy định hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	581.652.742	435.683.865

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá hoán đổi (*) / giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Cổ phiếu niêm yết	63.582.959.509	77.083.986.350	14.053.806.686	(552.779.845)	77.083.986.350
	63.582.959.509	77.083.986.350	14.053.806.686	(552.779.845)	77.083.986.350
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	96.057.186.406	106.832.007.900	12.534.666.996	(1.759.845.502)	106.832.007.900
	96.057.186.406	106.832.007.900	12.534.666.996	(1.759.845.502)	106.832.007.900
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập				2.726.205.347	

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm tài chính và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thủ lao ban đại diện Quỹ	1.500.000	1.500.000

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí kiểm toán	286.200.000	140.400.000
Thủ lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
	299.700.000	153.900.000

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số cho HOSE	164.442.855	156.912.560
Phí quản lý Quỹ ETF	44.843.474	62.312.016
Phí cung cấp dịch vụ tính INAV cho HOSE	29.906.414	29.443.044
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	16.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
	287.192.743	302.167.620

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> VND	<i>Phát sinh trong năm</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	8.500.000	-	8.500.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Thặng dư vốn	8.491.948.710	-	8.491.948.710
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	93.491.948.710	-	93.491.948.710
Vốn góp hoán đổi lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	-	(3.100.000)	(3.100.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(31.000.000.000)	(31.000.000.000)
Thặng dư vốn	-	(10.516.691.473)	(10.516.691.473)
Tổng giá trị hoán đổi chứng chỉ quỹ	-	(41.516.691.473)	(41.516.691.473)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	8.500.000	(3.100.000)	5.400.000
Giá trị vốn góp hiện hành	93.491.948.710	(41.516.691.473)	51.975.257.237
Lợi nhuận chưa phân phối	13.318.175.435	11.783.813.677	25.101.989.112
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	106.810.124.145		77.077.246.349
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	12.565,89		14.273,56

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> VND	<i>Phát sinh trong năm</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Lợi nhuận đã thực hiện	2.543.353.941	9.057.608.330	11.600.962.271
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.774.821.494	2.726.205.347	13.501.026.841
	13.318.175.435	11.783.813.677	25.101.989.112

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Cổ tức được chia	2.031.284.900	1.530.904.400
- Cổ tức đã nhận	2.031.284.900	1.530.904.400
Tiền lãi được nhận	1.305.457	14.149.801
	2.032.590.357	1.545.054.201

12. LỢI NHUẬN BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Lợi nhuận từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán	8.859.597.203	2.645.542.406

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	<i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết Lãi trong giao dịch bán các khoản đầu tư và hoán đổi	35.429.356.100	26.569.758.897	8.859.597.203

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	27.876.138	54.784.526
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	25.424.456	53.968.602
	53.300.594	108.753.128

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	181.403.226	105.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	22.025.360	33.519.928
Phí dịch vụ lưu ký trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC")	7.990.858	4.689.653
	211.419.444	143.209.581

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	252.098.642	380.780.569
Chi phí cung cấp dịch vụ tính iNAV trả HOSE	53.318.579	35.139.243
	305.417.221	415.919.812

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm nay VND</i>	<i>năm 2024 VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	60.000.000	49.354.839
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	30.000.000
Chi phí khác trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC")	26.550.000	10.900.000
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	17.500.000	-
Chi phí in ấn, gửi thư	1.897.928	-
Chi phí thiết lập Quỹ	-	40.000.000
Chi phí ngân hàng	-	495.000
	135.947.928	130.749.839

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	1/1/2025	106.805.354.983	8.500.000	12.565	(0,56)
2	2/1/2025	106.366.440.839	8.500.000	12.514	(51,64)
3	5/1/2025	104.199.374.351	8.500.000	12.259	(254,95)
4	6/1/2025	103.236.527.922	8.500.000	12.145	(113,27)
5	7/1/2025	102.858.163.718	8.500.000	12.101	(44,51)
6	8/1/2025	103.035.332.573	8.500.000	12.122	20,84
7	9/1/2025	102.540.140.304	8.500.000	12.064	(58,26)
8	12/1/2025	101.188.704.218	8.500.000	11.905	(158,99)
9	13/1/2025	101.539.302.064	8.500.000	11.946	41,25
10	14/1/2025	100.641.476.930	8.500.000	11.840	(105,63)
11	15/1/2025	100.952.128.891	8.500.000	11.877	36,55
12	16/1/2025	101.602.596.587	8.500.000	11.953	76,52
13	19/1/2025	102.605.793.793	8.500.000	12.071	118,02
14	20/1/2025	103.050.961.127	8.500.000	12.124	52,38
15	21/1/2025	102.745.591.036	8.500.000	12.088	(35,93)
16	22/1/2025	102.356.088.399	8.500.000	12.042	(45,82)
17	23/1/2025	104.420.840.784	8.500.000	12.285	242,91
18	30/1/2025	105.261.287.674	8.500.000	12.384	98,88
19	31/1/2025	105.256.550.318	8.500.000	12.383	(0,56)
20	2/2/2025	105.246.747.529	8.500.000	12.382	(1,15)
21	3/2/2025	103.383.942.884	8.500.000	12.163	(219,16)
22	4/2/2025	104.110.767.145	8.500.000	12.248	85,51
23	5/2/2025	104.462.969.389	8.500.000	12.290	41,44
24	6/2/2025	104.691.500.638	8.500.000	12.317	26,88
25	9/2/2025	104.792.602.694	8.500.000	12.329	11,90
26	10/2/2025	103.365.952.081	8.500.000	12.161	(167,84)
27	11/2/2025	103.475.254.371	8.500.000	12.174	12,85
28	12/2/2025	103.173.558.411	8.500.000	12.138	(35,49)
29	13/2/2025	102.850.531.939	8.500.000	12.100	(38,00)
30	16/2/2025	103.221.224.761	8.500.000	12.144	43,61
31	17/2/2025	102.383.209.441	8.500.000	12.045	(98,59)
32	18/2/2025	102.423.890.886	8.500.000	12.050	4,78
33	19/2/2025	103.621.702.118	8.500.000	12.191	140,92
34	20/2/2025	104.016.706.333	8.500.000	12.237	46,47
35	23/2/2025	104.430.639.653	8.500.000	12.286	48,70
36	24/2/2025	104.698.264.363	8.500.000	12.317	31,49
37	25/2/2025	104.318.505.689	8.500.000	12.273	(44,68)
38	26/2/2025	104.454.309.862	8.500.000	12.289	15,98
39	27/2/2025	104.538.938.895	8.500.000	12.299	9,95
40	28/2/2025	104.052.884.224	8.500.000	12.242	(57,18)
41	2/3/2025	104.043.459.238	8.500.000	12.240	(1,11)
42	3/3/2025	104.157.230.040	8.500.000	12.254	13,39
43	4/3/2025	104.986.195.808	8.500.000	12.351	97,52

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
44	5/3/2025	104.389.276.842	8.500.000	12.281	(70,22)
45	6/3/2025	105.947.644.854	8.500.000	12.464	183,33
46	9/3/2025	106.474.068.038	8.500.000	12.526	61,94
47	10/3/2025	106.322.803.791	8.500.000	12.509	(17,80)
48	11/3/2025	106.474.133.684	8.500.000	12.526	17,80
49	12/3/2025	105.367.468.817	8.500.000	12.396	(130,19)
50	13/3/2025	104.248.042.350	8.500.000	12.264	(131,70)
51	16/3/2025	103.218.717.918	8.500.000	12.143	(121,10)
52	17/3/2025	104.037.134.188	8.500.000	12.240	96,29
53	18/3/2025	103.808.479.206	8.500.000	12.213	(26,90)
54	19/3/2025	102.423.999.123	8.500.000	12.050	(162,88)
55	20/3/2025	102.832.465.746	8.500.000	12.098	48,05
56	23/3/2025	102.979.024.241	8.500.000	12.115	17,24
57	24/3/2025	103.236.277.817	8.500.000	12.145	30,27
58	25/3/2025	102.883.912.898	8.500.000	12.104	(41,46)
59	26/3/2025	102.206.104.698	8.500.000	12.024	(79,74)
60	27/3/2025	101.994.156.298	8.500.000	11.999	(24,93)
61	30/3/2025	100.976.324.804	8.500.000	11.880	(119,75)
62	31/3/2025	100.615.558.013	8.500.000	11.837	(42,44)
63	1/4/2025	101.104.808.311	8.500.000	11.895	57,56
64	2/4/2025	100.735.302.201	8.500.000	11.851	(43,47)
65	3/4/2025	93.759.832.133	8.500.000	11.031	(820,65)
66	7/4/2025	91.311.549.907	8.500.000	10.743	(288,03)
67	8/4/2025	84.988.054.018	8.500.000	9.999	(743,94)
68	9/4/2025	82.230.236.966	8.500.000	9.674	(324,45)
69	10/4/2025	80.660.233.465	7.800.000	10.341	666,91
70	13/4/2025	84.899.202.937	7.800.000	10.885	543,46
71	14/4/2025	85.986.025.508	7.800.000	11.024	139,33
72	15/4/2025	84.501.365.053	7.800.000	10.834	(190,34)
73	16/4/2025	82.888.555.879	7.800.000	10.627	(206,77)
74	17/4/2025	83.603.601.142	7.800.000	10.718	91,68
75	20/4/2025	84.565.853.544	7.800.000	10.842	123,36
76	21/4/2025	83.807.449.797	7.800.000	10.745	(97,23)
77	22/4/2025	83.218.813.640	7.800.000	10.669	(75,47)
78	23/4/2025	84.732.257.507	7.800.000	10.863	194,03
79	24/4/2025	85.502.671.648	7.800.000	10.962	98,78
80	25/4/2025	85.906.136.551	7.800.000	11.014	51,72
81	27/4/2025	85.897.316.554	7.800.000	11.012	(1,13)
82	28/4/2025	85.719.053.786	7.800.000	10.990	(22,85)
83	30/4/2025	85.999.030.625	7.800.000	11.026	35,89
84	1/5/2025	85.994.669.907	7.800.000	11.025	(0,56)
85	4/5/2025	85.981.588.084	7.800.000	11.023	(1,67)
86	5/5/2025	86.524.425.007	7.800.000	11.093	69,59
87	6/5/2025	86.755.579.096	7.800.000	11.123	29,64
88	7/5/2025	86.715.616.002	7.800.000	11.117	(5,13)
89	8/5/2025	87.928.497.297	7.800.000	11.273	155,50
90	11/5/2025	88.427.482.616	7.800.000	11.337	63,97
91	12/5/2025	90.106.764.035	7.800.000	11.552	215,29
92	13/5/2025	92.211.162.545	7.800.000	11.822	269,80

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
93	14/5/2025	94.274.655.430	7.800.000	12.086	264,55
94	15/5/2025	94.382.715.143	7.800.000	12.100	13,85
95	18/5/2025	92.659.549.137	7.800.000	11.879	(220,92)
96	19/5/2025	92.463.290.961	7.800.000	11.854	(25,16)
97	20/5/2025	93.875.762.046	7.800.000	12.035	181,09
98	21/5/2025	93.492.319.951	7.800.000	11.986	(49,16)
99	22/5/2025	92.281.530.611	7.800.000	11.831	(155,23)
100	25/5/2025	92.253.960.591	7.800.000	11.827	(3,53)
101	26/5/2025	93.320.624.106	7.800.000	11.964	136,75
102	27/5/2025	94.367.699.607	7.800.000	12.098	134,24
103	28/5/2025	94.114.632.361	7.800.000	12.066	(32,45)
104	29/5/2025	94.469.492.659	7.800.000	12.111	45,50
105	31/5/2025	93.214.957.360	7.800.000	11.951	(160,84)
106	1/6/2025	93.210.407.179	7.800.000	11.950	(0,58)
107	2/6/2025	92.677.920.410	7.800.000	11.882	(68,27)
108	3/6/2025	93.702.771.986	7.800.000	12.013	131,39
109	4/6/2025	93.275.202.862	7.800.000	11.958	(54,82)
110	5/6/2025	93.085.148.533	7.800.000	11.934	(24,36)
111	8/6/2025	91.847.985.139	7.800.000	11.775	(158,61)
112	9/6/2025	91.253.368.841	7.800.000	11.699	(76,24)
113	10/6/2025	91.762.282.183	7.800.000	11.764	65,25
114	11/6/2025	92.268.561.065	7.800.000	11.829	64,91
115	12/6/2025	93.662.329.667	7.800.000	12.008	178,69
116	15/6/2025	93.240.221.362	7.800.000	11.954	(54,12)
117	16/6/2025	95.441.319.696	7.800.000	12.236	282,19
118	17/6/2025	95.488.319.928	7.800.000	12.242	6,03
119	18/6/2025	94.969.401.912	7.800.000	12.176	(66,53)
120	19/6/2025	95.198.033.811	7.800.000	12.205	29,31
121	22/6/2025	95.370.655.481	7.800.000	12.227	22,13
122	23/6/2025	95.345.537.251	7.800.000	12.224	(3,22)
123	24/6/2025	95.563.640.839	7.800.000	12.252	27,96
124	25/6/2025	95.427.787.824	7.800.000	12.234	(17,41)
125	26/6/2025	95.413.152.548	7.800.000	12.232	(1,88)
126	29/6/2025	95.848.540.872	7.800.000	12.288	55,82
127	30/6/2025	96.803.949.266	7.800.000	12.411	122,49
128	1/7/2025	96.781.434.033	7.800.000	12.408	(2,89)
129	2/7/2025	97.286.236.468	7.800.000	12.473	64,72
130	3/7/2025	97.440.323.348	7.800.000	12.492	19,75
131	6/7/2025	98.409.316.802	7.800.000	12.617	124,23
132	7/7/2025	99.416.275.236	7.800.000	12.746	129,10
133	8/7/2025	100.132.107.337	7.800.000	12.837	91,77
134	9/7/2025	100.609.938.504	7.800.000	12.899	61,27
135	10/7/2025	100.713.460.179	7.800.000	12.912	13,27
136	13/7/2025	100.983.581.788	7.800.000	12.947	34,63
137	14/7/2025	102.094.952.736	7.800.000	13.089	142,48
138	15/7/2025	101.572.731.637	7.800.000	13.022	(66,95)
139	16/7/2025	102.116.578.439	7.800.000	13.092	69,72

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
140	17/7/2025	102.305.110.240	7.800.000	13.116	24,17
141	20/7/2025	102.872.638.817	7.800.000	13.189	72,76
142	21/7/2025	102.475.562.893	7.800.000	13.138	(50,90)
143	22/7/2025	103.168.516.234	7.800.000	13.227	88,84
144	23/7/2025	103.682.809.137	7.800.000	13.293	65,93
145	24/7/2025	104.370.719.411	7.800.000	13.381	88,20
146	27/7/2025	105.114.383.797	7.800.000	13.476	95,34
147	28/7/2025	106.164.311.319	7.800.000	13.611	134,60
148	29/7/2025	100.975.809.868	7.800.000	12.946	(665,19)
149	30/7/2025	102.668.541.002	7.800.000	13.163	217,02
150	31/7/2025	101.492.558.013	7.800.000	13.012	(150,77)
151	3/8/2025	102.082.809.165	7.800.000	13.088	75,67
152	4/8/2025	103.661.211.153	7.800.000	13.290	202,36
153	5/8/2025	105.232.665.867	7.800.000	13.491	201,47
154	6/8/2025	107.202.003.378	7.800.000	13.744	252,48
155	7/8/2025	108.839.307.655	7.800.000	13.954	209,91
156	10/8/2025	108.634.446.631	7.800.000	13.927	(26,26)
157	11/8/2025	109.173.506.784	7.800.000	13.997	69,11
158	12/8/2025	110.321.913.082	7.800.000	14.144	147,23
159	13/8/2025	110.611.885.932	7.800.000	14.181	37,18
160	14/8/2025	113.106.120.588	7.800.000	14.501	319,77
161	17/8/2025	111.617.206.724	7.800.000	14.310	(190,89)
162	18/8/2025	112.121.556.745	7.800.000	14.375	64,66
163	19/8/2025	113.582.866.439	7.800.000	14.562	187,35
164	20/8/2025	80.401.281.863	5.500.000	14.618	56,51
165	21/8/2025	80.946.107.359	5.400.000	14.990	371,60
166	24/8/2025	78.484.696.134	5.400.000	14.534	(455,81)
167	25/8/2025	76.161.195.869	5.400.000	14.104	(430,28)
168	26/8/2025	78.982.179.575	5.400.000	14.626	522,40
169	27/8/2025	79.971.723.203	5.400.000	14.810	183,25
170	28/8/2025	80.809.625.611	5.400.000	14.965	155,17
171	31/8/2025	81.099.950.243	5.400.000	15.019	53,76
172	2/9/2025	81.091.080.168	5.400.000	15.017	(1,84)
173	3/9/2025	80.919.568.041	5.400.000	14.985	(31,76)
174	4/9/2025	81.809.116.804	5.400.000	15.150	164,73
175	7/9/2025	80.084.269.627	5.400.000	14.830	(319,41)
176	8/9/2025	77.892.956.395	5.400.000	14.425	(405,80)
177	9/9/2025	78.850.084.607	5.400.000	14.602	177,24
178	10/9/2025	78.923.169.868	5.400.000	14.615	13,54
179	11/9/2025	79.256.224.408	5.400.000	14.677	61,67
180	14/9/2025	79.327.880.686	5.400.000	14.690	13,27
181	15/9/2025	80.138.471.989	5.400.000	14.840	150,11
182	16/9/2025	80.710.391.823	5.400.000	14.946	105,91
183	17/9/2025	79.723.549.933	5.400.000	14.764	(182,74)
184	18/9/2025	79.216.232.923	5.400.000	14.670	(93,95)
185	21/9/2025	79.004.174.876	5.400.000	14.630	(39,27)
186	22/9/2025	77.394.786.349	5.400.000	14.332	(298,04)
187	23/9/2025	77.322.530.057	5.400.000	14.319	(13,38)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
188	24/9/2025	78.951.538.623	5.400.000	14.621	301,67
189	25/9/2025	78.627.754.636	5.400.000	14.561	(59,96)
190	28/9/2025	77.828.774.019	5.400.000	14.413	(147,96)
191	29/9/2025	77.546.382.709	5.400.000	14.360	(52,29)
192	30/9/2025	77.102.367.285	5.400.000	14.278	(82,23)
193	1/10/2025	77.348.229.057	5.400.000	14.324	45,53
194	2/10/2025	76.860.310.037	5.400.000	14.233	(90,35)
195	5/10/2025	76.280.035.155	5.400.000	14.126	(107,46)
196	6/10/2025	78.486.652.994	5.400.000	14.535	408,63
197	7/10/2025	77.914.893.748	5.400.000	14.429	(105,88)
198	8/10/2025	78.333.094.783	5.400.000	14.506	77,44
199	9/10/2025	79.031.328.576	5.400.000	14.635	129,31
200	12/10/2025	79.615.043.506	5.400.000	14.744	108,09
201	13/10/2025	79.795.494.443	5.400.000	14.777	33,42
202	14/10/2025	79.555.030.342	5.400.000	14.732	(44,53)
203	15/10/2025	79.833.010.310	5.400.000	14.784	51,48
204	16/10/2025	80.540.789.254	5.400.000	14.915	131,07
205	19/10/2025	79.538.780.164	5.400.000	14.729	(185,56)
206	20/10/2025	75.156.116.678	5.400.000	13.918	(811,61)
207	21/10/2025	77.225.970.745	5.400.000	14.301	383,31
208	22/10/2025	78.340.917.079	5.400.000	14.508	206,47
209	23/10/2025	78.478.008.284	5.400.000	14.533	25,39
210	26/10/2025	78.364.334.827	5.400.000	14.512	(21,05)
211	27/10/2025	76.512.362.275	5.400.000	14.169	(342,96)
212	28/10/2025	78.422.298.198	5.400.000	14.523	353,69
213	29/10/2025	79.419.816.890	5.400.000	14.707	184,73
214	30/10/2025	79.297.705.774	5.400.000	14.685	(22,61)
215	31/10/2025	78.545.817.103	5.400.000	14.545	(139,28)
216	2/11/2025	78.536.478.351	5.400.000	14.544	(1,69)
217	3/11/2025	77.133.599.349	5.400.000	14.284	(259,80)
218	4/11/2025	77.993.772.144	5.400.000	14.443	159,30
219	5/11/2025	77.159.815.189	5.400.000	14.289	(154,44)
220	6/11/2025	76.380.306.984	5.400.000	14.145	(144,35)
221	9/11/2025	74.654.780.119	5.400.000	13.825	(319,55)
222	10/11/2025	73.556.784.414	5.400.000	13.622	(203,33)
223	11/11/2025	74.130.717.552	5.400.000	13.728	106,29
224	12/11/2025	76.033.519.398	5.400.000	14.080	352,37
225	13/11/2025	75.818.640.665	5.400.000	14.040	(39,80)
226	16/11/2025	76.108.176.597	5.400.000	14.094	53,62
227	17/11/2025	76.794.117.455	5.400.000	14.221	127,03
228	18/11/2025	76.923.818.301	5.400.000	14.245	24,02
229	19/11/2025	76.120.983.219	5.400.000	14.096	(148,68)
230	20/11/2025	75.785.369.674	5.400.000	14.034	(62,15)
231	23/11/2025	75.713.902.291	5.400.000	14.021	(13,23)
232	24/11/2025	75.514.306.094	5.400.000	13.984	(36,96)
233	25/11/2025	74.765.919.668	5.400.000	13.846	(138,59)
234	26/11/2025	75.548.895.158	5.400.000	13.991	144,99
235	27/11/2025	75.992.447.041	5.400.000	14.073	82,14

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
236	30/11/2025	75.608.471.030	5.400.000	14.002	(71,11)
237	1/12/2025	75.294.310.943	5.400.000	13.943	(58,17)
238	2/12/2025	75.300.237.293	5.400.000	13.944	1,09
239	3/12/2025	76.962.115.020	5.400.000	14.252	307,76
240	4/12/2025	77.622.303.286	5.400.000	14.375	122,26
241	7/12/2025	76.838.399.410	5.400.000	14.229	(145,17)
242	8/12/2025	76.180.292.531	5.400.000	14.107	(121,87)
243	9/12/2025	75.412.006.237	5.400.000	13.965	(142,28)
244	10/12/2025	75.136.650.474	5.400.000	13.914	(50,99)
245	11/12/2025	74.773.559.574	5.400.000	13.847	(67,24)
246	14/12/2025	72.614.918.524	5.400.000	13.447	(399,75)
247	15/12/2025	72.533.020.044	5.400.000	13.432	(15,16)
248	16/12/2025	74.590.424.257	5.400.000	13.813	381,00
249	17/12/2025	74.512.079.672	5.400.000	13.799	(14,51)
250	18/12/2025	74.459.245.700	5.400.000	13.789	(9,79)
251	21/12/2025	74.928.204.099	5.400.000	13.876	86,85
252	22/12/2025	76.299.565.933	5.400.000	14.130	253,95
253	23/12/2025	76.425.066.460	5.400.000	14.153	23,25
254	24/12/2025	76.820.375.506	5.400.000	14.226	73,20
255	25/12/2025	75.850.541.436	5.400.000	14.046	(179,60)
256	28/12/2025	75.600.010.381	5.400.000	14.000	(46,39)
257	29/12/2025	76.027.316.836	5.400.000	14.079	79,13
258	30/12/2025	76.852.735.911	5.400.000	14.232	152,85
259	31/12/2025	77.077.246.349	5.400.000	14.274	41,58

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 90.877.527.938

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 15.149,83
 - Mức thấp nhất trong năm (VND) 9.674,14

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	21/3/2024	58.476.585.051	5.100.000	11.465,99	-
2	27/3/2024	59.188.844.958	5.100.000	11.605,65	139,66
3	28/3/2024	59.731.821.965	5.100.000	11.712,12	106,47
4	31/3/2024	59.678.775.793	5.100.000	11.701,72	(10,40)
5	4/4/2024	58.373.483.212	5.100.000	11.445,78	(255,94)
6	10/4/2024	58.515.273.415	5.100.000	11.473,58	27,80
7	11/4/2024	58.590.698.721	5.100.000	11.488,37	14,79
8	14/4/2024	59.747.403.055	5.100.000	11.715,17	226,80
9	15/4/2024	56.876.081.155	5.100.000	11.152,17	(563,00)
10	16/4/2024	57.135.479.294	5.100.000	11.203,03	50,86
11	18/4/2024	56.276.618.356	5.100.000	11.034,63	(168,40)
12	21/4/2024	55.272.709.450	5.100.000	10.837,78	(196,85)
13	22/4/2024	55.912.500.980	5.100.000	10.963,23	125,45
14	23/4/2024	56.022.910.398	5.100.000	10.984,88	21,65
15	24/4/2024	58.015.552.907	5.100.000	11.375,59	390,71
16	25/4/2024	58.303.697.450	5.100.000	11.432,09	56,50
17	30/4/2024	58.908.323.599	5.100.000	11.550,65	118,56
18	1/5/2024	58.905.354.038	5.100.000	11.550,06	(0,59)
19	2/5/2024	59.620.195.804	5.100.000	11.690,23	140,17
20	3/5/2024	60.012.139.092	5.100.000	11.767,08	76,85
21	5/5/2024	60.006.157.756	5.100.000	11.765,91	(1,17)
22	6/5/2024	60.228.897.880	5.100.000	11.809,58	43,67
23	7/5/2024	60.609.634.237	5.100.000	11.884,24	74,66
24	8/5/2024	60.542.263.368	5.100.000	11.871,03	(13,21)
25	9/5/2024	60.317.489.610	5.100.000	11.826,95	(44,08)
26	12/5/2024	60.344.693.029	5.100.000	11.832,29	5,34
27	13/5/2024	60.018.292.181	5.100.000	11.768,29	(64,00)
28	14/5/2024	60.044.650.829	5.100.000	11.773,46	5,17
29	15/5/2024	60.541.734.970	5.100.000	11.870,92	97,46
30	16/5/2024	61.677.772.383	5.100.000	12.093,68	222,76
31	19/5/2024	61.780.473.416	5.100.000	12.113,81	20,13
32	20/5/2024	61.518.563.874	5.100.000	12.062,46	(51,35)
33	21/5/2024	61.897.991.075	5.100.000	12.136,86	74,40
34	22/5/2024	61.634.064.324	5.100.000	12.085,11	(51,75)
35	23/5/2024	62.151.941.168	5.100.000	12.186,65	101,54
36	26/5/2024	60.839.034.721	5.100.000	11.929,22	(257,43)
37	27/5/2024	60.895.227.930	5.100.000	11.940,24	11,02
38	28/5/2024	61.612.586.090	5.100.000	12.080,89	140,65
39	29/5/2024	60.894.045.393	5.100.000	11.940,00	(140,89)
40	30/5/2024	60.726.820.994	5.100.000	11.907,21	(32,79)
41	31/5/2024	60.946.133.129	5.100.000	11.950,22	43,01
42	2/6/2024	60.939.046.175	5.100.000	11.948,83	(1,39)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Ngày định giá</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</i>	<i>NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND</i>
43	3/6/2024	61.693.285.566	5.100.000	12.096,72	147,89
44	4/6/2024	61.979.680.248	5.100.000	12.152,87	56,15
45	5/6/2024	61.803.670.046	5.100.000	12.118,36	(34,51)
46	6/6/2024	61.771.392.117	5.100.000	12.112,03	(6,33)
47	9/6/2024	62.043.029.406	5.100.000	12.165,29	53,26
48	10/6/2024	62.614.942.753	5.100.000	12.277,43	112,14
49	11/6/2024	62.608.307.162	5.100.000	12.276,13	(1,30)
50	12/6/2024	63.868.601.216	5.100.000	12.523,25	247,12
51	13/6/2024	63.935.019.250	5.100.000	12.536,27	13,02
52	16/6/2024	62.949.504.062	5.100.000	12.343,04	(193,23)
53	17/6/2024	62.646.276.244	5.100.000	12.283,58	(59,46)
54	18/6/2024	62.773.771.238	5.100.000	12.308,58	25,00
55	19/6/2024	63.087.567.230	5.100.000	12.370,11	61,53
56	20/6/2024	63.593.549.795	5.100.000	12.469,32	99,21
57	23/6/2024	63.505.323.677	5.100.000	12.452,02	(17,30)
58	24/6/2024	62.253.535.371	5.100.000	12.206,57	(245,45)
59	25/6/2024	62.372.980.764	5.100.000	12.229,99	23,42
60	26/6/2024	62.526.972.728	5.100.000	12.260,19	30,20
61	27/6/2024	62.397.436.670	5.100.000	12.234,79	(25,40)
62	30/6/2024	61.788.772.543	5.100.000	12.115,45	(119,34)
63	1/7/2024	61.805.676.955	5.100.000	12.079,54	(35,90)
64	2/7/2024	61.950.664.019	5.100.000	12.147,18	67,64
65	3/7/2024	62.526.510.319	5.100.000	12.260,10	112,92
66	4/7/2024	63.029.831.992	5.100.000	12.358,79	98,69
67	7/7/2024	63.516.532.964	5.100.000	12.454,22	95,43
68	8/7/2024	63.623.270.537	5.100.000	12.475,15	20,93
69	9/7/2024	64.229.384.518	5.100.000	12.593,99	118,84
70	10/7/2024	63.765.268.307	5.100.000	12.502,99	(91,00)
71	11/7/2024	63.522.323.561	5.100.000	12.455,35	(47,64)
72	14/7/2024	63.525.282.030	5.100.000	12.455,93	0,58
73	15/7/2024	63.394.075.987	5.100.000	12.430,21	(25,72)
74	16/7/2024	63.790.056.370	5.100.000	12.507,85	77,64
75	17/7/2024	63.899.921.727	5.100.000	12.490,18	(17,67)
76	18/7/2024	63.393.157.951	5.100.000	12.430,03	(60,15)
77	21/7/2024	62.945.087.462	5.100.000	12.342,17	(87,86)
78	22/7/2024	62.429.206.873	5.100.000	12.241,02	(101,15)
79	23/7/2024	61.596.995.201	5.100.000	12.077,84	(163,18)
80	24/7/2024	62.053.986.038	5.100.000	12.167,44	89,60
81	25/7/2024	61.834.792.606	5.100.000	12.124,46	(42,98)
82	28/7/2024	62.491.641.886	5.100.000	12.253,26	128,80
83	29/7/2024	62.656.622.447	5.100.000	12.285,61	32,35
84	30/7/2024	62.576.378.793	5.100.000	12.269,87	(15,74)
85	31/7/2024	62.983.428.498	5.100.000	12.349,69	79,82
86	1/8/2024	61.749.193.165	5.100.000	12.107,68	(242,01)
87	4/8/2024	62.341.778.598	5.100.000	12.223,87	116,19
88	5/8/2024	59.579.739.008	5.100.000	11.682,30	(541,57)
89	6/8/2024	60.439.043.811	5.100.000	11.850,79	168,49

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	7/8/2024	60.089.405.629	5.100.000	11.782,23	(68,56)
91	8/8/2024	59.540.078.696	5.100.000	11.674,52	(107,71)
92	11/8/2024	60.582.250.732	5.100.000	11.878,87	204,35
93	12/8/2024	61.458.105.864	5.100.000	12.050,60	171,73
94	13/8/2024	61.231.483.331	5.100.000	12.006,17	(44,43)
95	14/8/2024	61.325.526.249	5.100.000	12.024,61	18,44
96	15/8/2024	61.067.093.610	5.100.000	11.973,93	(50,68)
97	18/8/2024	62.323.442.361	5.100.000	12.220,28	246,35
98	19/8/2024	63.465.738.845	5.100.000	12.444,26	223,98
99	20/8/2024	63.956.098.951	5.100.000	12.540,41	96,15
100	21/8/2024	64.527.671.375	5.100.000	12.652,48	112,07
101	22/8/2024	77.367.625.871	6.100.000	12.683,21	30,73
102	25/8/2024	77.266.252.726	6.100.000	12.666,59	(16,62)
103	26/8/2024	76.276.072.215	6.100.000	12.504,27	(162,32)
104	27/8/2024	76.219.786.565	6.100.000	12.495,04	(9,23)
105	28/8/2024	76.274.186.074	6.100.000	12.503,96	8,92
106	29/8/2024	76.349.765.138	6.100.000	12.516,35	12,39
107	31/8/2024	76.774.880.549	6.100.000	12.586,04	69,69
108	3/9/2024	76.760.476.790	6.100.000	12.583,68	(2,36)
109	4/9/2024	75.858.292.827	6.100.000	12.435,78	(147,90)
110	5/9/2024	75.042.184.373	6.100.000	12.301,99	(133,79)
111	8/9/2024	75.113.879.646	6.100.000	12.313,75	11,76
112	9/9/2024	74.807.474.831	6.100.000	12.263,52	(50,23)
113	10/9/2024	74.143.826.759	6.100.000	12.154,72	(108,80)
114	11/9/2024	74.146.437.187	6.100.000	12.155,15	0,43
115	12/9/2024	74.623.051.649	6.100.000	12.233,28	78,13
116	15/9/2024	74.721.323.914	6.100.000	12.249,39	16,11
117	16/9/2024	74.158.176.915	6.100.000	12.157,07	(92,32)
118	17/9/2024	75.048.863.633	6.100.000	12.303,09	146,02
119	18/9/2024	75.528.977.718	6.100.000	12.381,79	78,70
120	19/9/2024	75.740.361.310	6.100.000	12.416,45	34,66
121	22/9/2024	76.211.247.166	6.100.000	12.493,64	77,19
122	23/9/2024	76.126.823.617	6.100.000	12.479,80	(13,84)
123	24/9/2024	76.542.936.809	6.100.000	12.548,02	68,22
124	25/9/2024	107.522.336.560	8.500.000	12.649,68	101,66
125	26/9/2024	107.978.339.738	8.500.000	12.703,33	53,65
126	29/9/2024	107.813.092.058	8.500.000	12.683,89	(19,44)
127	30/9/2024	107.769.888.497	8.500.000	12.678,81	(5,08)
128	1/10/2024	107.956.670.390	8.500.000	12.700,78	21,97
129	2/10/2024	108.038.140.613	8.500.000	12.710,36	9,58
130	3/10/2024	107.171.141.906	8.500.000	12.608,36	(102,00)
131	6/10/2024	106.152.881.497	8.500.000	12.488,57	(119,79)
132	7/10/2024	106.144.606.330	8.500.000	12.487,60	(0,97)
133	8/10/2024	105.972.975.631	8.500.000	12.467,40	(20,20)
134	9/10/2024	106.719.545.130	8.500.000	12.555,24	87,84
135	10/10/2024	107.708.793.953	8.500.000	12.671,62	116,38
136	13/10/2024	107.509.071.697	8.500.000	12.648,12	(23,50)
137	14/10/2024	106.913.782.265	8.500.000	12.578,09	(70,03)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
138	15/10/2024	106.412.800.651	8.500.000	12.519,15	(58,94)
139	16/10/2024	106.062.937.408	8.500.000	12.477,99	(41,16)
140	17/10/2024	106.430.753.376	8.500.000	12.521,26	43,27
141	20/10/2024	106.050.509.361	8.500.000	12.476,53	(44,73)
142	21/10/2024	105.181.632.431	8.500.000	12.374,30	(102,23)
143	22/10/2024	104.534.888.573	8.500.000	12.298,22	(76,08)
144	23/10/2024	104.997.975.390	8.500.000	12.352,70	54,48
145	24/10/2024	104.132.792.857	8.500.000	12.250,91	(101,79)
146	27/10/2024	103.794.746.677	8.500.000	12.211,14	(39,77)
147	28/10/2024	104.274.885.181	8.500.000	12.267,63	56,49
148	29/10/2024	105.600.306.620	8.500.000	12.423,56	155,93
149	30/10/2024	105.679.547.235	8.500.000	12.432,88	9,32
150	31/10/2024	105.604.724.462	8.500.000	12.424,08	(8,80)
151	3/11/2024	103.742.864.022	8.500.000	12.205,04	(219,04)
152	4/11/2024	103.181.178.616	8.500.000	12.138,96	(66,08)
153	5/11/2024	102.868.037.750	8.500.000	12.102,12	(36,84)
154	6/11/2024	104.022.358.076	8.500.000	12.237,92	135,80
155	7/11/2024	103.884.863.976	8.500.000	12.221,72	(16,20)
156	10/11/2024	103.420.107.872	8.500.000	12.167,07	(54,65)
157	11/11/2024	102.906.898.244	8.500.000	12.106,67	(60,40)
158	12/11/2024	102.254.115.589	8.500.000	12.029,89	(76,78)
159	13/11/2024	102.620.306.779	8.500.000	12.072,97	43,08
160	14/11/2024	101.645.222.705	8.500.000	11.958,26	(114,71)
161	17/11/2024	100.083.261.185	8.500.000	11.774,50	(183,76)
162	18/11/2024	99.594.007.201	8.500.000	11.716,94	(57,56)
163	19/11/2024	98.294.152.478	8.500.000	11.564,01	(152,93)
164	20/11/2024	99.219.856.900	8.500.000	11.672,92	108,91
165	21/11/2024	100.768.836.538	8.500.000	11.855,15	182,23
166	24/11/2024	100.628.245.508	8.500.000	11.838,61	(16,54)
167	25/11/2024	100.820.380.610	8.500.000	11.861,22	22,61
168	26/11/2024	101.593.658.089	8.500.000	11.952,19	90,97
169	27/11/2024	101.908.424.370	8.500.000	11.989,22	37,03
170	28/11/2024	102.174.840.990	8.500.000	12.020,56	31,34
171	30/11/2024	103.055.441.512	8.500.000	12.124,16	103,60
172	1/12/2024	103.050.184.468	8.500.000	12.123,55	(0,61)
173	2/12/2024	102.828.710.663	8.500.000	12.097,49	(26,06)
174	3/12/2024	102.934.535.889	8.500.000	12.109,94	12,45
175	4/12/2024	102.201.856.532	8.500.000	12.023,74	(86,20)
176	5/12/2024	105.231.589.428	8.500.000	12.380,18	356,44
177	8/12/2024	105.461.176.101	8.500.000	12.407,19	27,01
178	9/12/2024	105.329.913.732	8.500.000	12.391,75	(15,44)
179	10/12/2024	105.456.514.418	8.500.000	12.406,64	14,89
180	11/12/2024	105.252.377.138	8.500.000	12.382,63	(24,01)
181	12/12/2024	105.302.466.220	8.500.000	12.388,52	5,89
182	15/12/2024	105.236.430.263	8.500.000	12.380,75	(7,77)
183	16/12/2024	105.309.948.553	8.500.000	12.389,40	8,65
184	17/12/2024	104.775.952.088	8.500.000	12.326,58	(62,82)
185	18/12/2024	104.924.965.119	8.500.000	12.344,11	17,53

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm)
				tại ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
186	19/12/2024	104.084.336.979	8.500.000	12.245,21	(98,90)
187	22/12/2024	104.442.746.876	8.500.000	12.287,38	42,17
188	23/12/2024	104.831.813.315	8.500.000	12.333,15	45,77
189	24/12/2024	105.020.446.389	8.500.000	12.355,34	22,19
190	25/12/2024	106.413.066.208	8.500.000	12.519,18	163,84
191	26/12/2024	106.255.596.916	8.500.000	12.500,65	(18,53)
192	29/12/2024	106.593.050.241	8.500.000	12.540,35	39,70
193	30/12/2024	106.593.196.129	8.500.000	12.540,37	0,02
194	31/12/2024	106.810.124.145	8.500.000	12.565,89	25,52

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 77.694.766.902

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong kỳ (VND) 563,00
 - Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 0,02

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Chứng chỉ quỹ	Chứng chỉ quỹ
Đến một năm	5.400.000	8.500.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	(62.312.016)	(636.194.043)	653.662.585	(44.843.474)	636.194.043
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thủ lao Ban Đại diện Quỹ	(13.500.000)	(60.000.000)	60.000.000	(13.500.000)	60.000.000
Các giao dịch trọng yếu trong kỳ trước như sau:							
			Phải thu/(Phải trả)				
Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Ngày 5 tháng 3 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Chi phí VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	-	(442.926.972)	380.614.956	(62.312.016)	442.926.972
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thủ lao Ban Đại diện Quỹ	-	(49.354.839)	35.854.839	(13.500.000)	49.354.839

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký kỳ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (“Ngân hàng Giám sát”), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
			VND	VND	VND	Chi phí VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	435.683.865	37.461.946.457	(37.315.977.580)	581.652.742	-
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	(16.500.000)	(198.000.000)	198.000.000	(16.500.000)	198.000.000
		Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(15.000.000)	(181.403.226)	181.403.226	(15.000.000)	181.403.226
		Phải trả dịch vụ giám sát	(5.500.000)	(66.000.000)	66.000.000	(5.500.000)	66.000.000
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(22.025.360)	22.025.360	-	22.025.360

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 5 tháng 3 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Chi phí VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ quản trị quỹ Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	100.453.681.411	(100.017.997.546)	435.683.865	-
			-	(165.000.000)	148.500.000	(16.500.000)	165.000.000
			-	(105.000.000)	90.000.000	(15.000.000)	105.000.000
			-	(55.000.000)	49.500.000	(5.500.000)	55.000.000
			-	(33.519.928)	33.519.928	-	33.519.928

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
	<i>Năm nay (%)</i>	<i>năm 2024 (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	0,57	0,59
Tốc độ vòng quay danh mục	21,19	58,20

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 365 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 365 * 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B08-ETF

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 77.083.986.350 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 7.708.398.635 Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 7.708.398.635 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối năm tài chính có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yếu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại 31 tháng 12 năm 2025:

	Bất kỳ lúc nào VND	Dưới 3 tháng VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	581.652.742	-	581.652.742
Các khoản đầu tư	-	77.083.986.350	77.083.986.350
Tổng tài sản	581.652.742	77.083.986.350	77.665.639.092
Nợ phải trả			
Chi phí phải trả	-	299.700.000	299.700.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	287.192.743	287.192.743
Tổng nợ phải trả	-	586.892.743	586.892.743
Mức chênh thanh khoản ròng	581.652.742	76.497.093.607	77.078.746.349

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại 31 tháng 12 năm 2024:

	Bất kỳ lúc nào VND	Dưới 3 tháng VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	435.683.865	-	435.683.865
Các khoản đầu tư	-	106.832.007.900	106.832.007.900
Tổng tài sản	435.683.865	106.832.007.900	107.267.691.765
Nợ phải trả			
Chi phí phải trả	-	153.900.000	153.900.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	302.167.620	302.167.620
Tổng nợ phải trả	-	456.067.620	456.067.620
Mức chênh thanh khoản ròng	435.683.865	106.375.940.280	106.811.624.145

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	581.652.742	581.652.742
Các khoản đầu tư thuần	77.083.986.350	77.083.986.350
- Cổ phiếu niêm yết	77.083.986.350	77.083.986.350
	77.665.639.092	
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	299.700.000	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	287.192.743	(*)
	586.892.743	

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	435.683.865	435.683.865
Các khoản đầu tư thuần	106.832.007.900	106.832.007.900
- Cổ phiếu niêm yết	106.832.007.900	106.832.007.900
	107.267.691.765	
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	153.900.000	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	302.167.620	(*)
	456.067.620	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoàn đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Bà Lê Thị Huỳnh Như
Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Đăng Sik
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

